

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **161/2021/HNGĐ - ST**

Ngày: 16 - 9- 2021

V/v Ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Bình Trọng

2. Bà Hoàng Thị Thu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký TAND huyện Yên Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 16/9/2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai, vụ án thụ lý số 65/2021/TLST - HNGĐ ngày 07/4/2021 về việc Ly hôn và nuôi con chung. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 02/8/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trịnh Văn T, sinh năm 1991 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn 4, xã L, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1998 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 4, xã L, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/4/2021 và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn anh Trịnh Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị H kết hôn do hai bên tự nguyện, có thời gian tìm 02 tháng. Đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Yên Định ngày 20/12/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị H có đi làm công ty, nhưng chị H không đi làm mà bỏ chi chơi, sau khi anh biết được sự việc, anh có nói chuyện với chị H để vợ chồng có biện pháp giải quyết, nhưng chị H không nghe, dẫn đến làm mất lòng tin

ở anh dẫn vợ chồng có xảy ra cãi nhau. Đến tháng 6/2018 chị H đã về bố, mẹ đẻ ở và đi làm ăn. Vợ chồng đã sống ly thân và thôi quan hệ sinh lý từ đó đến nay không quan tâm gì đến nhau. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh làm đơn xin ly hôn chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trịnh Thị Tường V, sinh ngày 23/5/2018. Hiện nay, con khỏe mạnh bình thường và đang ở với chị H. Vợ chồng ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Thị Tường V. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Anh T làm thợ hồ thu nhập hơn 10.000.000đ/1 tháng.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16/4/2021 và quá trình giải quyết, xét xử, bị đơn chị Lê Thị H trình bày

Về quan hệ hôn nhân: Về quá trình kết hôn, chị công nhận ý kiến trình bày của anh T là đúng. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh T không tin tưởng chị mà nghe lời bố mẹ chửi bới, đánh chị, đuổi chị ra khỏi nhà mặc dù chị không có lỗi gì, dẫn đến tình cảm vợ chồng không hòa hợp được. Đến tháng 4/2020 chị đã về bố mẹ đẻ và đi miền Nam làm ăn. Vợ chồng đã sống ly thân thôi quan hệ sinh lý từ đó đến nay. Hiện nay chị không có thai nghén gì. Anh T làm đơn xin ly hôn chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị cũng đồng ý ly hôn anh T.

Về con chung: Chị thống nhất với anh T về việc vợ chồng có 01 con chung là Trịnh Thị Tường V, sinh ngày 23/5/2018. Hiện nay, con khỏe mạnh bình thường và đang ở với chị. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi con, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Hiện tại chị làm công nhân tại Công ty TNHH Việc làm Đông Á, thu nhập 8.900.000đ/1 tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị H có đơn xin vắng mặt, quan điểm của chị thống nhất ly hôn, xin được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng, tài sản không yêu cầu giải quyết. Anh T vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn và xin được nuôi con, về tài sản chung và nghĩa vụ chung không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là

BLTTDS). Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật TTDS; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí.

Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều khoản 1 Điều 56; Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 277; Điều 228 Bộ luật TTDS năm 2015. Đề nghị Tòa án xử cho anh Trịnh Văn T được ly hôn chị Lê Thị H. Về con chung: Giao cháu Trịnh Thị Tường V cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng. Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm. Vì quyền lợi của con hai bên có quyền thay đổi người nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định. Về án phí: Anh T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

{ 1} Về tố tụng:

1.1. Xác định thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ theo chứng cứ tài liệu do nguyên đơn cung cấp, Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn của anh T và chị H là đúng quy định về thẩm quyền xét xử theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS.

1.2. Về sự vắng mặt của bị đơn:

Chị H có đơn xin đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị H là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

{2} Về nội dung:

- *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống không hợp nhau, bất đồng nhau trong quan điểm sống, không có niềm tin trong hôn nhân. Đó là nguyên nhân chính dẫn đến phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Đánh giá thực trạng mâu thuẫn cuộc sống vợ chồng: Anh T và chị H sống ly thân gần 01 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị H đã mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Hiện tại đời sống chung đã chấm dứt. Nay anh T xin ly hôn, về phía chị H cũng xác định tình cảm

vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn. Như vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn là phù hợp.

- *Về con chung*: Anh T và chị H có 01 con chung là cháu Trịnh Thị Tường V, sinh ngày 23/5/2018, hiện nay cháu đang ở với chị H. Anh T và chị H đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con.

HĐXX xét thấy: Là bố là mẹ ai cũng có quyền yêu cầu được nuôi con, đó là yêu cầu chính đáng được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cũng phải xem xét đến nhiều yếu tố, miễn sao đảm bảo cho con trẻ có được cuộc sống ổn định, đủ điều kiện để con trẻ phát triển đầy đủ về thể chất cũng như tâm sinh lý trẻ thơ. Xét điều kiện nuôi con của hai bên thì thấy: Anh T và chị H đều có công ăn việc làm và có thu nhập, nhưng chị H có công việc ổn định, có thu nhập ổn định hơn. Từ trước đến nay cháu Tường V luôn được chị H nuôi dưỡng, có chỗ ăn ở ổn định. Cháu mới hơn 3 tuổi rất cần sự săn sóc từ bàn tay người mẹ. Để đảm bảo quyền lợi của người phụ nữ khi ly hôn và quyền lợi của con trẻ, đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu Tường V nên giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trịnh Thị Tường V là phù hợp. Sau này cháu lớn anh T muốn nuôi con sẽ làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

- *Về tài sản và công nợ chung*: Anh T và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

Về án phí: Anh T khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng*: Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

- *Tuyên xử*:

Về Hôn nhân: Chấp nhận anh Trịnh Văn T được ly hôn chị Lê Thị H.

Về con chung: Anh T và chị H có 01 con chung. Giao cháu Trịnh Thị Tường V, sinh ngày 23/5/2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị H không yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Anh Trịnh Văn T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn*) mà anh T đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, theo Biên lai thu số AA/2019/000 5424 ngày 07/4/2021. Chấp nhận anh T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho anh T trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Đối với chị H vắng mặt, thời hạn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Định;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS Yên Định;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Thắng